

Số: 77 TB/DLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28./04/2026 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

1. Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ 01/07/2025 đến 30/06/2026.
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Lê Văn Tân*

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MÍA  
ĐƯỜNG  
LAM SƠN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN  
DN: C=VN, S=Thanh Hóa, L="Thị Trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 2800463346, Phone=( 84 - 237 ) 8996 667  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026.04.28 10:14:40+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.0

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2026

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2026)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.179.441.613.283</b>	<b>1.996.453.547.285</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>22.089.941.964</b>	<b>15.832.012.423</b>
1. Tiền	111		6.812.512.202	12.350.035.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.277.429.762	3.481.976.836
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>101.414.405.518</b>	<b>89.736.222.328</b>
1. Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	101.414.405.518	89.736.222.328
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>202.629.826.862</b>	<b>304.849.926.089</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	79.068.128.089	23.480.804.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	78.848.908.145	200.782.661.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4	7.828.736.720	42.800.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5	63.229.326.110	64.168.016.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(26.345.272.202)	(26.381.556.602)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.838.898.195.153</b>	<b>1.585.310.700.202</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	1.849.934.066.011	1.601.683.510.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(11.035.870.858)	(16.372.810.397)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.409.243.786</b>	<b>724.686.243</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	14.329.054.344	610.438.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		80.189.442	114.247.784
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.288.545.361.858</b>	<b>1.374.020.398.486</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>621.845.044</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4	621.845.044	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>620.396.544.625</b>	<b>693.919.126.464</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	584.139.975.588	656.037.353.506
<i>Nguyên giá</i>	222		2.840.666.427.189	2.819.777.894.323
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.256.526.451.601)	(2.163.740.540.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	36.256.569.037	37.881.772.958
<i>Nguyên giá</i>	228		47.425.838.413	47.425.838.413
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.169.269.376)	(9.544.065.455)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>323.829.723.073</b>	<b>300.946.425.503</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	323.829.723.073	300.946.425.503
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>306.602.155.680</b>	<b>340.905.864.544</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		306.746.610.952	306.746.610.952
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(106.895.601.072)	(94.746.351.235)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.000.000.000	102.154.459.027
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.095.093.436</b>	<b>38.248.981.975</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	37.095.093.436	38.248.981.975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.467.986.975.141</b>	<b>3.370.473.945.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>1.707.010.064.232</b>	<b>1.604.390.555.411</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>1.680.017.514.046</b>	<b>1.577.908.442.292</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	13	175.210.203.541	150.947.063.814
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	14	211.953.619.146	81.888.319.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	21.596.549.009	34.150.404.633
4. Phải trả người lao động		314		14.075.869.577	14.567.089.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	16	32.367.966.210	4.840.471.535
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	17	59.563.214.862	14.320.174.316
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	18	1.110.326.408.787	1.224.228.998.852
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		54.923.682.914	52.965.919.818
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>26.992.550.186</b>	<b>26.482.113.119</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		1.000.000.000	1.000.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	19	5.735.000.000	3.735.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	20	20.257.550.186	21.747.113.119

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D -</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.760.976.910.909</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.760.976.910.909</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.265.920.000	857.416.230.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.265.920.000	857.416.230.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		191.455.332.801	191.455.332.801
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		609.503.301.471	598.378.787.910
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.752.356.637	118.833.039.649
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.863.511.028	7.587.904.041
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.888.845.609	111.245.135.608
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	22	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>3.467.986.975.141</b>	<b>3.370.473.945.771</b>

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	621.202.134.682	567.169.790.690	1.530.074.437.955	1.568.596.159.572
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		621.202.134.682	567.169.790.690	1.530.074.437.955	1.568.596.159.572
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	582.250.998.769	514.268.325.465	1.369.154.993.062	1.414.611.499.703
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.951.135.913	52.901.465.225	160.919.444.893	153.984.659.869
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	3.178.113.332	4.185.941.138	9.510.675.787	13.274.013.207
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	15.851.484.897	16.497.403.261	61.688.268.870	41.347.435.260
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.841.109.375	15.943.507.563	48.208.157.126	35.616.481.350
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	10.078.096.621	11.480.788.303	25.613.602.312	34.729.866.435
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	7.202.008.194	9.199.152.801	23.643.020.501	23.810.122.638
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.997.659.533	19.910.061.998	59.485.228.997	67.371.248.743
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	167	1.000.590	1.824.416.161	1.138.888.535
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	1.000.599.511	209.723.215	3.063.988.967	663.634.634
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.000.599.344)	(208.722.625)	(1.239.572.806)	475.253.901
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.997.060.189	19.701.339.373	58.245.656.191	67.846.502.644
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.351.743.578	2.982.984.492	9.356.810.582	9.790.636.509
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.645.316.611	16.718.354.881	48.888.845.609	58.055.866.135

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2025 đến 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	58.245.656.191	67.846.502.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	103.964.019.368	100.832.045.309
- Các khoản dự phòng	03	6.776.025.898	(12.160.797.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.886.519.301)	(10.028.071.826)
- Chi phí lãi vay	06	48.208.157.126	35.616.481.350
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	208.307.339.282	182.106.159.908
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	99.082.420.152	259.940.406.911
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(248.250.555.412)	(892.634.882.677)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	171.302.701.849	155.254.856.329
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.564.727.346)	(3.159.071.874)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(48.048.866.165)	(35.351.265.550)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.289.599.466)	(18.497.031.314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(5.421.324.850)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>149.538.712.894</b>	<b>(357.762.153.117)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(54.050.723.864)	(61.893.149.198)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.346.584.083	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.875.291.171)	(64.609.938.341)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	33.738.817.008	68.480.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.464.850.756	4.526.324.326
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(31.375.763.188)</b>	<b>(53.496.763.213)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.767.644.067.506	1.731.732.034.725
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.879.546.657.571)	(1.306.646.537.274)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.430.100)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(111.905.020.165)</b>	<b>425.085.497.451</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.257.929.541</b>	<b>13.826.581.121</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>15.832.012.423</b>	<b>36.828.566.477</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>22.089.941.964</b>	<b>50.655.147.598</b>

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

#### **6. Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Tiền thuê đất, thuê kho trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### **12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:**

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ Khoản 3 - Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động là 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm cây trồng và chế biến nông lâm, thủy sản).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	111.782.334	90.667.354
Tiền gửi ngân hàng	6.700.729.868	12.259.368.233
Các khoản tương đương tiền	15.277.429.762	3.481.976.836
<b>Cộng</b>	<b><u>22.089.941.964</u></b>	<b><u>15.832.012.423</u></b>

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	101.414.405.518	89.736.222.328
<b>Cộng</b>	<b><u>101.414.405.518</u></b>	<b><u>89.736.222.328</u></b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phương Huy Linh	217.016.544	-
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	4.073.523.887	2.687.215.126
CN Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico VN tại Tỉnh Bắc Ninh	48.510.316.800	-
CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM	-	729.382.500
CÔNG TY MUA BÁN ĐIỆN	1.392.946.498	2.932.884.839
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.874.324.360	19.818.537.343
<b>Cộng</b>	<b><u>79.068.128.089</u></b>	<b><u>23.480.804.682</u></b>

**3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	50.531.251.594	195.071.362.953
Trả trước cho người bán tại VPCT	28.317.656.551	5.711.298.438
<b>Cộng</b>	<b><u>78.848.908.145</u></b>	<b><u>200.782.661.391</u></b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	7.828.736.720	42.800.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	4.927.954.557	4.998.680.900
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	41.899.988.575	42.899.988.575
Tạm ứng	789.866.666	233.210.077
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	803.758.064	1.896.845.044
Các khoản phải thu khác	6.303.697.942	5.635.231.716
<b>Cộng</b>	<b>63.229.326.110</b>	<b>64.168.016.618</b>

**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

<b>Số đầu năm</b>	<b>(26.381.556.602)</b>
Dự phòng trích lập trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	36.284.400
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(26.345.272.202)</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hàng đi đường vận chuyển nội bộ	804.796.648	-
Nguyên liệu, vật liệu	220.493.666.871	28.095.101.387
Công cụ, dụng cụ	3.090.231.318	1.579.744.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.328.849.979	9.258.124.848
Thành phẩm	1.527.234.041.798	1.557.646.164.823
Hàng hóa	45.982.479.397	5.104.375.056
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.035.870.858)	(16.372.810.397)
<b>Cộng</b>	<b>1.838.898.195.153</b>	<b>1.585.310.700.202</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****Ngắn hạn**

Số đầu năm	610.438.459
Số cuối kỳ	14.329.054.344

**Dài hạn**

Số đầu năm	38.248.981.975
Số cuối kỳ	37.095.093.436

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	540.613.606.048	2.216.042.354.250	47.498.361.620	15.090.182.405	533.390.000	2.819.777.894.323
Tăng trong kỳ	684.856.506	29.281.536.702	1.150.333.086	50.700.000		31.167.426.294
<i>Mua sắm mới</i>		29.281.536.702	1.150.333.086	50.700.000		30.482.569.788
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	684.856.506					684.856.506
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	2.764.373.014	7.365.700.014		148.820.400		10.278.893.428
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>	2.764.373.014	7.365.700.014		148.820.400		10.278.893.428
<i>Giảm khác</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>538.534.089.540</b>	<b>2.237.958.190.938</b>	<b>48.648.694.706</b>	<b>14.992.062.005</b>	<b>533.390.000</b>	<b>2.840.666.427.189</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	329.043.489.864	1.776.401.932.418	42.826.948.488	15.033.854.295	434.315.752	2.163.740.540.817
Tăng trong kỳ	19.284.990.705	82.208.487.330	808.792.289	30.036.594	6.508.529	102.338.815.447
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	19.284.990.705	82.208.487.330	808.792.289	30.036.594	6.508.529	102.338.815.447
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	2.608.347.344	6.795.736.919		148.820.400		9.552.904.663
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	2.608.347.344	6.795.736.919		148.820.400		9.552.904.663
<i>Giảm khác</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>345.720.133.225</b>	<b>1.851.814.682.829</b>	<b>43.635.740.777</b>	<b>14.915.070.489</b>	<b>440.824.281</b>	<b>2.256.526.451.601</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	211.570.116.184	439.640.421.832	4.671.413.132	56.328.110	99.074.248	656.037.353.506
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>192.813.956.315</b>	<b>386.143.508.109</b>	<b>5.012.953.929</b>	<b>76.991.516</b>	<b>92.565.719</b>	<b>584.139.975.588</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.195.577.517</b>	<b>15.230.260.896</b>	<b>47.425.838.413</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.880.826.308	6.663.239.147	9.544.065.455
Tăng trong kỳ do khấu hao	197.366.967	1.427.836.954	1.625.203.921
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.078.193.275</b>	<b>8.091.076.101</b>	<b>11.169.269.376</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<b>29.314.751.209</b>	<b>8.567.021.749</b>	<b>37.881.772.958</b>
Số cuối kỳ	<b>29.117.384.242</b>	<b>7.139.184.795</b>	<b>36.256.569.037</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Mua sắm tài sản cố định	1.300.925.925	562.000.000
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	16.249.466.603	17.082.021.569
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	278.611.920.852	275.463.035.159
Dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON	8.056.789.054	7.839.368.775
Dự án khác	19.610.620.639	-
<b>Cộng</b>	<b>323.829.723.073</b>	<b>300.946.425.503</b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>306.746.610.952</b>	<b>306.746.610.952</b>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>8.300.000.000</i>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>100.737.621.024</i>	<i>100.737.621.024</i>
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>13.950.000.000</i>	<i>13.950.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	<i>21.396.593.886</i>	<i>21.396.593.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bà Thước</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	<i>9.862.396.042</i>	<i>9.862.396.042</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>21.500.000.000</b>	<b>21.500.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.251.145.800</b>	<b>5.251.145.800</b>
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>102.154.459.027</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(106.895.601.072)</b>	<b>(94.746.351.235)</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	131.014.083.657	118.287.229.347
Phải trả tại VPCT	41.179.811.195	31.141.279.444
Phải trả tại các đơn vị	3.016.308.689	1.518.555.023
<b>Cộng</b>	<b>175.210.203.541</b>	<b>150.947.063.814</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	211.953.619.146	81.888.319.868
<b>Cộng</b>	<b>211.953.619.146</b>	<b>81.888.319.868</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	12.239.738.427	13.860.805.167
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.356.810.582	20.289.599.466
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.596.549.009</b>	<b>34.150.404.633</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri, điện, nước mía, sữa gạo	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý III năm 2025/2026:

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.997.060.189</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>	<b>1.014.563.663</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.014.563.663
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	739.861.821
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	119.701.842
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	155.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
<i>Khoản trích lập dự phòng phải thu</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>9.011.623.852</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.351.743.578</b>
<b>Thuế TNDN năm trước</b>	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>6.645.316.611</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	32.367.966.210	4.840.471.535
<b>Cộng</b>	<b>32.367.966.210</b>	<b>4.840.471.535</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	3.181.562.034	1.134.275.200
Kinh phí công đoàn	2.446.844.052	2.363.807.562
Hoàn ứng	644.159.465	517.483.845
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.290.649.311	10.304.607.709
<b>Cộng</b>	<b>59.563.214.862</b>	<b>14.320.174.316</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức khác	1.110.326.408.787	1.222.228.998.852
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.110.326.408.787</u></b>	<b><u>1.224.228.998.852</u></b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	5.735.000.000	3.735.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.735.000.000</u></b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	3.735.000.000	2.000.000.000	-	5.735.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.735.000.000</u></b>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	20.257.550.186	21.747.113.119
<b>Cộng</b>	<b><u>20.257.550.186</u></b>	<b><u>21.747.113.119</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>121.826.986.776</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				111.245.135.608	111.245.135.608
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			9.052.918.617	(9.052.918.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(9.052.918.617)	(9.052.918.617)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(40.067.525.501)	(40.067.525.501)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	56.065.720.000			(56.065.720.000)	-
Các khoản khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>598.378.787.910</b>	<b>118.833.039.649</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>598.378.787.910</b>	<b>118.833.039.649</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
Lợi nhuận năm trước					
Lợi nhuận năm nay				48.888.845.609	48.888.845.609
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			11.124.513.561	(11.124.513.561)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(11.124.513.560)	(11.124.513.560)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(42.870.811.500)	(42.870.811.500)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	42.849.690.000			(42.849.690.000)	(42.849.690.000)
Các khoản khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>900.265.920.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>609.503.301.471</b>	<b>59.752.356.637</b>	<b>1.760.976.910.909</b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	900.265.920.000	857.416.230.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
<b>Cộng</b>	<b><u>1.091.721.252.801</u></b>	<b><u>1.048.871.562.801</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.026.592	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.026.592	85.741.623
- Cổ phiếu phổ thông	90.026.592	85.741.623
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.026.592	85.741.623
- Cổ phiếu phổ thông	90.026.592	85.741.623

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2025/2026:****I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Giai đoạn 01/01 đến 31/03</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>621.202.134.682</b>	<b>567.169.790.690</b>
Doanh thu bán hàng hóa	148.932.780.497	193.873.774.048
Doanh thu bán thành phẩm	465.161.663.603	366.873.413.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	7.107.690.582	6.422.603.080
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>621.202.134.682</b>	<b>567.169.790.690</b>
Doanh thu bán hàng hóa	148.932.780.497	193.873.774.048
Doanh thu bán thành phẩm	465.161.663.603	366.873.413.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	7.107.690.582	6.422.603.080

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	152.426.299.678	193.977.362.996
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	421.044.287.543	312.037.232.910
Giá vốn của dịch vụ, hàng bán khác	8.780.411.548	8.253.729.559
<b>Cộng</b>	<b>582.250.998.769</b>	<b>514.268.325.465</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.299.389.063	794.421.244
Lãi tiền cho vay	299.645.525	366.723.942
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.599.339	1.727.630.137
Lãi đầu tư trái phiếu	1.168.520.504	737.260.274
Lãi khác	361.958.901	559.905.541
<b>Cộng</b>	<b>3.178.113.332</b>	<b>4.185.941.138</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.841.109.375	15.943.507.563
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
Lỗ mua bán ngoại tệ	10.375.522	-
Chiết khấu thanh toán	-	525.203.288
Chi phí khác	-	28.692.410
<b>Cộng</b>	<b>15.851.484.897</b>	<b>16.497.403.261</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.277.920.143	3.695.957.714
Chi phí khấu hao TSCĐ	907.848.981	810.258.639
Chi phí vận chuyển	2.584.524.243	3.964.089.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.457.724.260	1.634.661.669
Chi phí bằng tiền khác	850.078.994	1.375.820.661
<b>Cộng</b>	<b>10.078.096.621</b>	<b>11.480.788.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.311.101.977	4.426.731.522
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.284.537.489	2.416.768.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.503.109	1.021.264.434
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.814.865.619	1.334.387.939
<b>Cộng</b>	<b>7.202.008.194</b>	<b>9.199.152.801</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	167	1.000.590
<b>Cộng</b>	<b>167</b>	<b>1.000.590</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	859.563.663	47.702.569
Chi phí khác	141.035.848	162.020.646
<b>Cộng</b>	<b>1.000.599.511</b>	<b>209.723.215</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý III - năm 2025/2026	6.645.316.611
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	86.974.285
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>76</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ như sau:

	<b>Năm nay</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	85.741.623
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	4.284.969
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>86.974.285</b>

**VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****I. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>31/03/2026</b>	<b>01/07/2025</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>31/03/2026</b>	<b>01/07/2025</b>
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	62,84	59,89
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	37,16	40,11
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	49,22	47,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	50,78	52,40
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>31/03/2026</b>	<b>01/07/2025</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,03	2,10
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,30	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,01
<b>Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 31/03:</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,81	4,33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,20	3,70
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,81	4,33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,20	3,70
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,68	1,91
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,41	1,63
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>2,78</b>	<b>3,38</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Báo cáo bộ phận

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	2.347.539.711	1.641.311.160
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	1.012.144.100	833.703.600
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	68.414.215.000	87.422.438.750
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	32.438.550.680	47.716.430.500
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	2.762.557.600	4.693.188.000
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	116.970.443	1.008.928.310
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	123.024.633.888	80.270.837.337
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	7.088.160.167	7.652.454.749
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	296.792.270	357.443.836
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	108.360.242	76.543.880

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2025 và ngày 31/03/2026, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	-	1.767.303.561
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	5.969.543.389	22.209.147.335
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	59.867.220.750	112.361.685.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	5.873.187.053	5.873.187.053

5.3.1  
G  
H  
U  
C  
S  
T. 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	4.073.523.887	2.687.215.126

**Người mua trả trước**

Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	-	-
-------------------------------	-------------	---	---

**Phải thu ngắn hạn khác**

Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	623.824.309	-
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	4.927.954.557	4.998.680.900

**Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	7.828.736.720	42.800.000.000
----------------------------------	-------------	---------------	----------------

**4. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	541.209.385	373.169.423
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	275.317.077	176.675.577
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	207.590.563	142.612.500
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	70.000.000	-
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	85.000.000	15.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	244.681.231	231.191.000
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	134.990.923	131.059.923
8	Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	123.961.077	131.743.500
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	124.732.769	135.233.077
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	-	120.717.115
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	130.237.462	78.065.885
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	98.558.462	60.071.269
13	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên Ban Kiểm soát	65.151.375	40.936.212
<b>Tổng</b>			<b>2.101.430.324</b>	<b>1.636.475.481</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ**

Lợi nhuận sau thuế Quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 đạt 6.645.316.611 đồng, giảm 60,25% so với cùng kỳ năm tài chính 2024/2025, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03		
		Năm nay (đ)	Năm trước (đ)	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	621.202.134.682	567.169.790.690	9,53%
2	Giá vốn hàng bán	582.250.998.769	514.268.325.465	13,22%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.951.135.913	52.901.465.225	-26,37%
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	6,27%	9,33%	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	3.178.113.332	4.185.941.138	-24,08%
6	Chi phí tài chính	15.851.484.897	16.497.403.261	-3,92%
7	Chi phí bán hàng	10.078.096.621	11.480.788.303	-12,22%
8	Chi phí quản lý	7.202.008.194	9.199.152.801	-21,71%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.645.316.611	16.718.354.881	-60,25%

**Nguyên nhân:**

Doanh thu Quý III năm nay tăng 9,53%, Giá vốn hàng bán tăng 13,22% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 26,37% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 24,08%, Chi phí tài chính giảm 3,92% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí bán hàng năm nay giảm 12,22%, chi phí quản lý giảm 21,71% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu Quý III năm nay chỉ đạt 6,27%, cùng kỳ năm trước đạt 9,33%. Do đó, tuy Doanh thu có tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng giá vốn tăng mạnh dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 giảm 60,25% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Lê Đức Anh

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương